

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 256/2018/HS-ST.

Ngày: 08-10-2018.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đông

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Chính.
2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mười Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 222/2018/TLST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 259/2018/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **T**; tên gọi khác: không; sinh năm: 1969; tại: Đà Nẵng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà X đường D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở hiện nay: Buôn Đ, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Chạy xe ôm; Trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông G và con bà G1 (Đã chết); bị cáo sống chung như vợ chồng với bà C; Bị cáo chưa có con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Từ nhỏ sinh ra và lớn lên tại Đà Nẵng, được cha mẹ nuôi ăn học hết lớp 11/12 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình. Sau đó cùng gia đình chuyển đến thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, làm ăn sinh sống.

Ngày 23/4/2018 có hành vi Cố ý gây thương tích. Ngày 14/5/2018 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột khởi tố, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh T1 - sinh năm 2000.

Chỗ ở hiện nay: Buôn Đ, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: bà B - sinh năm 1971.

Chỗ ở hiện nay: Số X2, đường C, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà C - sinh năm 1969 - có mặt.

2. Anh L - sinh năm 2000 - có mặt.

Cùng trú tại: Buôn Đ, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2010, T chung sống như vợ chồng với bà C, sinh năm 1969, trú tại: Số X2, đường C, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, cùng với hai người con riêng của bà C là T1 và L, cùng sinh năm 2000. Đến năm 2017, bà C cùng hai con và T chuyển đến sinh sống tại địa chỉ Buôn Đ, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Khoảng 23^h00' ngày 23/4/2018, sau khi đi nhậu xong, T điều khiển xe Mô tô hiệu S, màu đỏ, mang biển số X1 đi về nhà để nghỉ. Khi vào phòng ngủ, thì T và bà C xảy ra cãi nhau, bà C nói: *"Anh say rồi, anh về nhà anh ở đi !"*. Nghe bà C nói, T dắt xe mô tô ra ngoài sân rồi đội mũ bảo hiểm lên đầu nhưng không đi ngay mà quay vào phòng ngủ tiếp tục lời qua tiếng lại cãi nhau với bà C. Lúc này, T1 và L đang ngủ trong phòng kế phòng của bà C, nghe thấy tiếng cãi nhau, nên anh T1 thức dậy, đi ra khỏi phòng chửi và đuổi T đi, thì T chửi lại anh T1: *"Mày là đồ mất dạy, hỗn láo !"*. Nghe vậy, anh T1 đi vào trong phòng ngủ cầm 01 đoạn gậy gỗ có kích thước (1,5 x 3 x 100) cm, rồi đi ra phòng bếp nơi T đang đứng, đánh một phát vào mũ bảo hiểm T đang đội trên đầu và một phát lưng của T, nhưng không gây ra thương tích gì. Thấy anh T1 đánh T, bà C liền can ngăn đẩy anh T1 vào phòng ngủ và đẩy T ra sân. Vì bức tức, T chạy ra chỗ để xe mô tô, mở cốp lấy 01 con dao dài 40cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 27cm, cạnh sắc hai bên, đầu mũi dao nhọn, bản rộng lưỡi dao 2,5cm, cán dao làm bằng gỗ dài 13cm, đi vào trong nhà thì bị bà C cản lại, T dùng tay gạt bà C ra rồi chạy vào đường luồng trong nhà hướng về phòng bếp, thì gặp anh T1 đang đứng ở đường luồng. Tay phải của T cầm dao giơ lên chửi anh T1, thì anh T1 xông đến dùng tay chụp lấy tay của T đang cầm dao rồi giằng co với T. Trong lúc giằng co, T cầm dao đâm vào cổ, vùng sau gáy, sau lưng và khuỷu tay trái của anh T1, rồi xô đẩy anh T1 từ đường luồng trước phòng ngủ của bà C khiến anh T1 lùi dần vào phòng bếp. Anh T1 bị T đâm chảy máu thì gọi lớn: *"Lời, nó đâm tao !"*, nên anh L cầm 01 cái chày gỗ hình trụ tròn dài 22cm, một đầu có đường kính 04cm, một đầu có đường kính 05cm, ở phòng bếp đánh vào lưng T hai phát, thì T buông anh T1 ra rồi cầm dao đi ra lấy xe mô tô về nhà anh trai ở số X3, phường T3, thành phố B ngủ. Sau đó, anh T1 được đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk điều trị thương tích.

Tại Cơ quan điều tra, T giao nộp con dao có đặc điểm dài 40cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 27cm, cạnh sắc hai bên, đầu mũi dao nhọn, bản rộng lưỡi dao

2,5cm, cán dao làm bằng gỗ dài 13cm; bà C giao nộp 01 cây gỗ có kích thước (1,5 x 3 x 100) cm và 01 chiếc chày gỗ hình trụ tròn dài 22cm, một đầu có đường kính 04cm, một đầu có đường kính 05cm, để xử lý.

Tại bản Kết luận pháp y thương tích số 548/PY-TgT, ngày 24/4/2018 và bản Kết luận pháp y bổ sung số 661/PY-TgT, ngày 29/5/2018, của Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận: Anh T1 bị đa thương, đứt cơ ức đòn chũm trái 15%. Vật tác động: Sắc nhọn.

Sau khi gây thương tích, T đã tự nguyện bồi thường cho anh T1 số tiền 4.000.000 đồng, bà C đã nhận số tiền trên, anh T1 và bà C đã làm đơn bãi nại cho T và không yêu cầu T phải bồi thường thêm bất cứ khoản tiền nào khác.

Tại Bản cáo trạng số 229/CT-VKSTPBMT ngày 09/8/2018, Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố bị cáo T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ Luật Hình sự.

Tại phiên tòa: bị cáo T hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và Bản cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát thành phố Buôn Ma Thuột đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: bị cáo T phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ Luật Hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ Luật hình sự; Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 con dao dài 40cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 27cm, cạnh sắc hai bên, đầu mũi dao nhọn, bản rộng lưỡi dao 2,5cm, cán dao làm bằng gỗ dài 13cm, là hung khí mà bị cáo T dùng để gây thương tích cho anh T1, là tài sản của bị cáo T; 01 đoạn gậy gỗ có kích thước (1,5 x 3 x 100) cm và 01 chiếc chày gỗ hình trụ tròn dài 22cm, một đầu có đường kính 04cm, một đầu có đường kính 05cm, là hung khí mà anh T1 và anh L dùng để đánh bị cáo T, là tài sản của bà C, nhưng bà C không có yêu cầu nhận lại, nên cần tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo T không bào chữa và tham gia tranh luận gì. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo vì nguyên nhân bị cáo phạm tội cũng do một phần lỗi của bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo; bị hại không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội: Bị cáo T là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, giữa bị cáo và bị hại cùng chung sống một nhà, không có mâu thuẫn trầm trọng, chỉ xảy ra cãi vã xô xát nhỏ nhưng do ý thức coi thường sức khỏe của người khác mà bị cáo đã có hành vi dùng 01 con dao nhọn dài 40cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 27cm, cán dao làm bằng gỗ dài 13cm, đâm anh T1, gây thương tích tỷ lệ 15%. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của anh T1, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội, bị cáo nhận thức được rằng sức khỏe của con người là vốn quý, mọi hành vi xâm phạm đến sức khỏe của người khác trái pháp luật đều bị pháp luật trừng trị thích đáng, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội một cách cố ý, bị cáo sử dụng hung khí là dao để đâm bị hại, tuy không nhằm mục đích tước đoạt tính mạng bị hại nhưng điều này thể hiện bản chất coi thường pháp luật và xem nhẹ sức khỏe của người khác, do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình theo tình tiết định khung tăng nặng “dùng hung khí nguy hiểm” quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự. Như vậy đã có đủ cơ sở pháp lý kết luận hành vi của bị cáo T thực hiện đã phạm tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự với tình tiết định khung được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Điều 134 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm ...;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này”.

Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng người đúng tội. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới phát

huy được tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi gây án bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại, được bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Tại phiên tòa bị hại đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo. Đồng thời Hội đồng xét xử xét thấy nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo là do hành vi trái pháp luật của bị hại gây ra trước, như vậy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình bị cáo, giáo dục cho bị cáo sửa chữa sai lầm để trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[4] Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 con dao dài 40cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 27cm, cạnh sắc hai bên, đầu mũi dao nhọn, bản rộng lưỡi dao 2,5cm, cán dao làm bằng gỗ dài 13cm; 01 đoạn gậy gỗ có kích thước (1,5 x 3 x 100) cm và 01 chiếc chày gỗ hình trụ tròn dài 22cm, một đầu có đường kính 04cm, một đầu có đường kính 05cm.

[5] Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 60 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo T 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo T cho UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

[2] Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 con dao dài 40cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 27cm, cạnh sắc hai bên, đầu mũi dao nhọn, bản rộng lưỡi dao 2,5cm, cán dao làm bằng gỗ dài 13cm; 01 đoạn gậy gỗ có kích thước (1,5 x 3 x 100) cm; 01 chiếc chày gỗ hình trụ tròn dài 22cm, một đầu có đường kính 04cm, một đầu có đường kính 05cm.

(Vật chứng có đặc điểm và số lượng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/8/2018 giữa Công an thành phố Buôn Ma Thuột và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột).

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo T phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Công an thành phố Buôn Ma Thuột;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS thành phố Buôn Ma Thuột;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- UBND phường T, thành phố Buôn Ma Thuột;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Đông